

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Hoàng Văn B**, sinh năm 1987.

Nơi thường trú: **tổ C, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.**

- Chị **Phạm Hải Y**, sinh năm 1988.

Nơi thường trú: **tổ C, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh **Hoàng Văn B** và chị **Phạm Hải Y** xác nhận tình cảm không còn, đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các

đương sự lập ngày 05 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Hoàng Văn B** và chị **Phạm Hải Y** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh **Hoàng Văn B** và chị **Phạm Hải Y** có 02 (hai) con chung là **Hoàng Bảo M**, sinh ngày 15/7/2011 và **Hoàng Bảo A**, sinh ngày 17/01/2016. Chị **Phạm Hải Y** và anh **Hoàng Văn B** thống nhất thỏa thuận: Chị **Phạm Hải Y** là người trực tiếp nuôi con chung **Hoàng Bảo A**, anh **Hoàng Văn B** là người trực tiếp nuôi con chung **Hoàng Bảo M** cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **Phạm Hải Y** và anh **Hoàng Văn B** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Hoàng Văn B** tự nguyện nộp cả số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001669 ngày 11/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Anh **B** đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;

THẨM PHÁN

(đã ký)

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Hạ Long;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường Hà Trung, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.